

Thử nghiệm công cụ đánh giá sự phát triển giáo dục và đào tạo địa phương

Trần Thị Hương Giang¹, Dương Thị Thu Hương²,
Nguyễn Thị Thu Hương^{*3}

¹ Email: giangth@vnies.edu.vn

² Email: huongdt@vnies.edu.vn

^{*} Tác giả liên hệ

³ Email: huongntt@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Bộ công cụ đánh giá sự phát triển giáo dục đào tạo địa phương là phương tiện giúp trong việc thu thập các thông tin, dữ liệu về tình hình giáo dục địa phương, bao gồm: khung phân tích; bộ tiêu chí, chỉ số giáo dục; phương pháp tính chỉ số phát triển giáo dục; bộ công cụ thu thập dữ liệu thực tiễn. Trong đó, EDI được ước tính trên cơ sở tổng hợp các giá trị ước tính 6 chỉ số thành phần của khung phân tích giáo dục và mỗi chỉ số thành phần lại được ước tính trên cơ sở các chỉ số giáo dục. Trọng số của các thành phần phụ thuộc vào mức độ tác động của nó tới sự hài lòng của người dân về chất lượng giáo dục mà con em họ được thụ hưởng. Với dữ liệu thử nghiệm ở năm học 2012 - 2020, Thành phố Hồ Chí Minh có chỉ số EDI cao nhất (68,31), tiếp theo là Thái Nguyên (56,33) và Hưng Yên (56,09). Tuy nhiên, độ tin cậy, chính xác của các giá trị ước tính còn hạn chế bởi có địa phương không cung cấp đủ số liệu theo yêu cầu (Nghệ An).

TỪ KHÓA: Công cụ đánh giá, thử nghiệm công cụ, đánh giá sự phát triển giáo dục, giáo dục và đào tạo địa phương.

→ Nhận bài 30/11/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 05/12/2021 → Duyệt đăng 15/01/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12220112>

1. Đặt vấn đề

Để giám sát giáo dục (GD) toàn cầu, cơ quan GD quốc tế của UNESCO (IBE) đã xây dựng bộ chỉ số GD Thế giới (năm 1996) và cung cấp cơ sở dữ liệu về GD bắt buộc. Chương trình tiếp cận hệ thống nhằm nâng cao kết quả GD (SABER) của Ngân hàng Thế giới khởi xướng năm 2011 nhằm đánh giá 13 khía cạnh của hệ thống GD quốc dân. OECD đã nỗ lực phát triển bộ chỉ số phát triển GD toàn diện để thúc đẩy sự tiến bộ xã hội... Tại Việt Nam, chưa có công trình nghiên cứu hoặc văn bản pháp quy nào đề cập đến khung phân tích và bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá sự phát triển GD và đào tạo (GD&ĐT) cấp tỉnh. Trong khi hệ thống chỉ số GD nước ta còn nhiều bất cập (như thiếu nhất quán với Tổng cục Thống kê và tổ chức quốc tế, thiếu cập nhật; ...). Vì vậy, xây dựng công cụ đánh giá sự phát triển GD&ĐT địa phương (khung phân tích, chỉ số đánh giá, công cụ thu thập dữ liệu, phương pháp tính toán chỉ số tổng hợp) tương thích hoặc hướng tới các bộ chỉ số giám sát GD toàn cầu là nhiệm vụ cấp bách. Bài viết này nhằm trình bày kết quả thử nghiệm ban đầu bộ công cụ đánh giá sự phát triển GD&ĐT địa phương do nhóm nghiên cứu đề xuất.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thiết kế thử nghiệm công cụ đánh giá sự phát triển giáo dục và đào tạo địa phương

2.1.1. Ý tưởng và mục tiêu thử nghiệm

Mục tiêu tổng quát của công cuộc đổi mới căn bản,

toàn diện GD&ĐT là “*Phấn đấu đến năm 2030, nền GD Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực*” với các đặc điểm: GD mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; Có cơ cấu và phương thức GD hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; Bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; Chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; ... (theo Nghị quyết Số 29-NQ/TW).

Bộ công cụ đánh giá sự phát triển GD&ĐT địa phương kì vọng vừa giúp địa phương giám sát tình hình GD, vừa tương thích với một số so sánh GD quốc tế (như phát triển bền vững, mục tiêu Thiên niên kỉ, GD cho mọi người, chuẩn bị sẵn sàng cho Cách mạng công nghiệp 4.0, ...). Bộ công cụ này chỉ thực sự hiệu quả khi địa phương có thể cập nhật thông tin, giám sát và tự đánh giá sự phát triển GD&ĐT của mình, từ đó tìm ra cách thức đổi mới chất lượng GD. Đồng thời cung cấp thông tin, dữ liệu để Bộ GD&ĐT có thể xây dựng báo cáo GD trong các so sánh quốc tế. Đợt thử nghiệm nhằm các mục tiêu: 1/ Thử nghiệm độ tin cậy, tính khả thi của bộ công cụ đánh giá sự phát triển GD&ĐT địa phương do đề tài đề xuất; 2/ Phân tích bước đầu sự phát triển GD&ĐT 5 tỉnh đã tham gia thử nghiệm; 3/ Điều chỉnh, hoàn thiện bộ công cụ đánh giá phát triển GD&ĐT địa phương.

2.1.2. Những loại công cụ được thử nghiệm

- Khung phân tích GD&ĐT địa phương gồm ba hợp

phần và 10 thành tố, mỗi thành tố gồm nhiều yếu tố GD cơ bản, trong đó kết quả, thành tựu GD là trọng tâm. Hợp phần *Chất lượng GD của cơ sở GD* có 4 thành tố là: Cơ chế quản lý GD nhà trường; Nguồn lực GD; Quá trình GD; Kết quả và thành tựu GD. Hợp phần *Chất lượng GD cấp tỉnh* gồm 3 thành tố cơ bản là: Hoạch định chiến lược, chính sách và quy mô GD; Cơ chế, thể chế quản lý GD; Kết quả, thành tựu GD địa phương. Hợp phần *Lợi thế phát triển GD địa phương* gồm: Tài nguyên và vị trí địa lý; Hạ tầng công nghệ hiện đại; Tác động của các hệ thống khác.

- Bộ chỉ số đánh giá phát triển GD địa phương gồm 76 chỉ số, là cụ thể hóa ba hợp phần và 10 thành tố của khung phân tích GD&ĐT địa phương (theo Nguyễn Thị Lan Phương 2020).

- Công cụ thu thập thông tin, dữ liệu gồm 13 biểu mẫu thống kê, 8 bảng hỏi, 5 phiếu dự giờ, và 7 đề cương báo cáo.

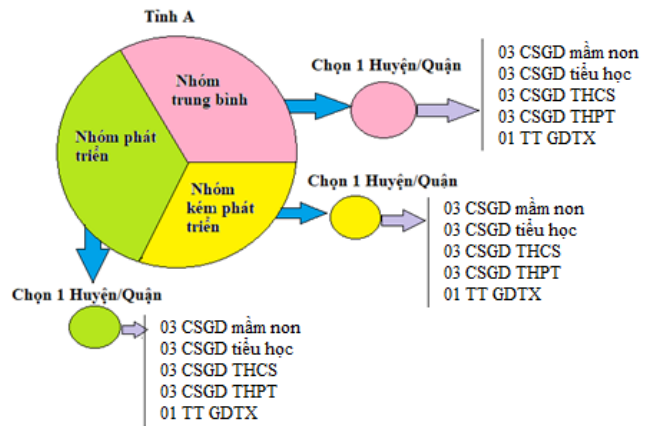
2.1.3. Quy mô và đối tượng thử nghiệm

Cấp quản lý địa phương gồm: Thái Nguyên, Hưng Yên, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ. Mỗi tỉnh chọn 3 huyện có điều kiện kinh tế - xã hội thấp, trung bình và cao. Mỗi huyện chọn 3 trường MN, 3 trường tiểu học (TH), 3 trường trung học cơ sở (THCS), 3 trường trung học phổ thông (THPT) và 1 trung tâm GD thường xuyên (GDTX) (xem Hình 1).

Tổng số đối tượng tham gia thử nghiệm công cụ được thống kê chi tiết ở Bảng 1. Với tổng số 4877 đối tượng, Hưng Yên đóng góp tỉ lệ nhiều nhất (36,8%), tiếp theo là Cần Thơ (28,8%) và ít nhất là Nghệ An (5,5%).

2.1.4. Tổ chức thử nghiệm

Việc thử nghiệm công cụ đánh giá sự phát triển GD&ĐT cấp tỉnh được tiến hành theo ba công đoạn: 1/ Tập huấn chuyên môn; 2/ Thu thập dữ liệu; 3/ Phân



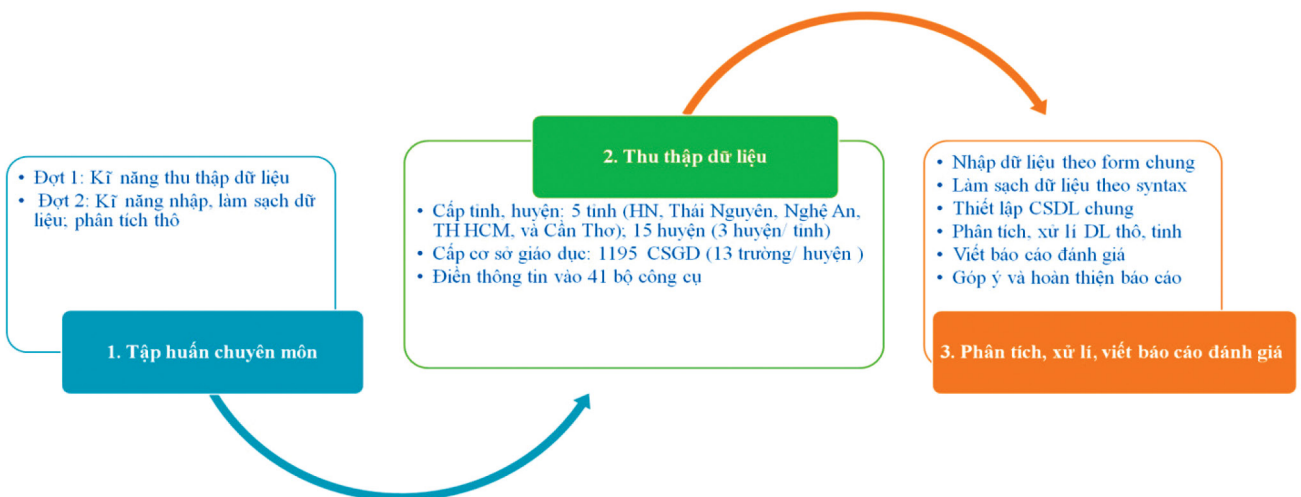
Hình 1: Sơ đồ chọn mẫu huyện, cơ sở GD chung cho các tỉnh, thành phố

Bảng 1: Số lượng đối tượng tham gia thử nghiệm công cụ

Tỉnh	Đối tượng tham gia				Tổng
	CBQL	GV	HS	CMHS	
Thái Nguyên	46	150	494	263	953
Hưng Yên	46	150	895	702	1793
Nghệ An	11	15	90	152	268
Thành phố Hồ Chí Minh	30	105	170	152	457
Cần Thơ	34	120	684	568	1406
Tổng	167	540	2333	1837	4877

tích, xử lý dữ liệu và viết báo cáo. Hai công đoạn đầu được triển khai từ tháng 7-10 năm 2020, công đoạn cuối cùng triển khai từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021 (xem Hình 2).

Ban Chuyên trách được thành lập ở mỗi tỉnh, thành phố gồm 12 cán bộ phụ trách các lĩnh vực: GD Mầm



Hình 2: Quy trình thực nghiệm công cụ đánh giá sự phát triển GD&ĐT địa phương

non (MN), GD TH (GDTH), GD Trung học, GDTX và khảo thí. Nhiệm vụ của Ban là tổ chức thu thập dữ liệu, nhập dữ liệu và gửi về trung ương. Sau này, khi triển khai đại trà, địa phương sẽ thực hiện công đoạn 3 theo hướng dẫn, tư vấn của nhóm nghiên cứu.

2.1.5. Thiết lập cơ sở dữ liệu

Hệ thống cơ sở dữ liệu thu thập gồm sơ cấp và thứ cấp. Dữ liệu thứ cấp gồm các báo cáo sẵn có của địa phương và báo cáo phân tích dữ liệu của Cục, Vụ liên quan. Xây dựng cơ sở dữ liệu sơ cấp gồm ba bước cơ bản là nhập dữ liệu, làm sạch dữ liệu và kết nối các file dữ liệu bằng phần mềm Epidata 2.1 và SPSS 22.0. Một codebook “Các quy tắc làm sạch số liệu” được tạo ra quy định các điều kiện ràng buộc các giá trị của câu hỏi trong các bộ phiếu hỏi HS, GV để phát hiện ra các sai sót và hiệu chỉnh dữ liệu.

2.2. Kết quả nghiên cứu

Sự phát triển GD&ĐT cấp tỉnh sẽ được phân tích theo 6 thành phần, trong đó thành phần trọng tâm là *Kết quả, thành tựu GD*, những thành phần còn lại (*Hoạch định chính sách, chiến lược và quy mô phát triển GD, Cơ chế, thể chế quản lý GD, Nguồn lực GD, Quá trình GD, và Lợi thế phát triển GD địa phương*) được xem là nền tảng tạo nên sự phát triển GD của tỉnh. Các phương pháp phân tích thành phần chính (PCA), ước tính hệ số tương quan, hồi quy tuyến tính bội, ... được sử dụng ước tính chỉ số phát triển GD địa phương (EDI).

2.2.1. Kết quả và thành tựu giáo dục

Kết quả và thành tựu GD được thể hiện thông qua ba tiêu thành phần: 1/ *Kết quả đầu ra*; 2/ *Chất lượng cơ sở GD*; 3/ *Thành tựu GD*. Kết quả đầu ra gồm ba nhóm chỉ số: 1/ Tỷ lệ hoàn thành chương trình GD; 2/ Tỷ lệ tốt nghiệp THCS và THPT; 3/ Tỷ lệ đạt chuẩn tối thiểu quốc tế về đọc, viết, tính toán. Do các trường chưa thực hiện đánh giá khả năng đọc, viết, tính toán của HS theo chuẩn quốc tế nên được mô phỏng theo chuẩn quốc gia. Theo đó:

- Tuyệt đại đa số HS duy trì tốt chỉ số chuyên cần thông qua việc hoàn thành chương trình GD phổ thông (trên 96%). Ở mỗi tỉnh, tỷ lệ tốt nghiệp cấp THCS luôn cao hơn cấp THPT, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ cao nhất (từ 99,44% trở lên).

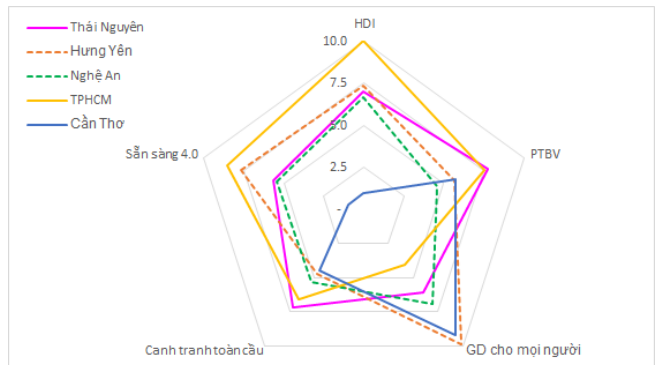
- Việc phân luồng sau THCS vẫn chưa thực sự được quán triệt, đại đa số HS học lên THPT (từ 82,4% đến 92,2%), còn lại chủ yếu học nghề (2,1% - 10,4%).

- Tỷ lệ HS đạt yêu cầu đọc viết, tính toán khá cao, từ 90% trở lên, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên và Cần Thơ 100% (Bộ GD&ĐT, 2018).

Những nơi được công nhận kiểm định chất lượng cao nhất là trường THCS ở Cần Thơ (100%) và trường TH

ở Hưng Yên (88,9%). Ít trường được công nhận kiểm định nhất là TH và THCS ở Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ 16,7%.

Thành tựu GD năm 2019 - 2020 được phân tích theo hai chỉ số: 1/ Cả 5 tỉnh đều có HS giỏi quốc gia, trong đó Nghệ An nhiều nhất (82 em) và Cần Thơ ít nhất (2 em, có 2 HS ở Nghệ An và Thành phố Hồ Chí Minh đoạt huy chương Olympic quốc tế; 2/ Ước tính được sự đóng góp của các tỉnh vào một số đánh giá quốc tế như Phát triển con người, Phát triển bền vững, GD cho mọi người, Năng lực cạnh tranh toàn cầu, Sự sẵn sàng cho cách mạng 4.0 (xem Hình 3).



Hình 3: Đóng góp của GD địa phương vào một số chương trình đánh giá quốc tế

2.2.2. Nền tảng phát triển giáo dục đào tạo địa phương

a. Thành phần *Hoạch định chính sách, chiến lược và quy mô GD* gồm ba nhóm chỉ số: 1/ Chính sách, chiến lược phát triển GD; 2/ Quy mô GD; 3/ Tiếp cận GD. Kết quả phân tích cho thấy:

- Quy mô trường học của 5 tỉnh giảm dần từ MN (2493) đến THPT (333). Ngoài ra, còn có 20 trường liên cấp. Trong đó, số trường MN của Thành phố Hồ Chí Minh cao nhất (chiếm 54%) và số trường THPT Cần Thơ thấp nhất (7,2%).

- Tỷ lệ HS trên GV (HS/GV) từ 13 ở MN đến 30 TH, cao hơn nhiều so với mức trung bình của OECD (10 ở MN, 13 ở TH, 12 ở THCS và 14 ở THPT). Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ này cao nhất ở cấp TH và THCS nhưng thấp nhất ở THPT và MN.

- Quy mô lớp học (HS/ lớp) của 5 tỉnh từ 30 đến 41, thấp hơn tiêu chuẩn quy định ở tất cả các cấp học (TH 35, THCS và THPT 45), ngoại trừ MN của Thành phố Hồ Chí Minh (40 HS/ lớp).

- Các tỉnh chú trọng huy động trẻ MN đến trường: Hưng Yên và Cần Thơ vượt mục tiêu chiến lược đối với trẻ nhà trẻ (33% và 38%), các tỉnh đều vượt mục tiêu đối với trẻ mẫu giáo (trên 95%).

- Khoảng cách giữa tỷ lệ đi học chung và đi học đúng độ tuổi ở MN khá cao (20% - 27%, ngoại trừ Thành phố Hồ Chí Minh là 5%). Khoảng cách này giữa các cấp TH, THCS và THPT tương đương. Điều này có nghĩa

là HS phổ thông ngày càng được đi học đúng độ tuổi hơn. Riêng tỉnh Nghệ An, sự chênh lệch hai tỉ lệ này ở THPT cao hơn (11,4%) so với 4 tỉnh còn lại.

- Đối với trẻ khuyết tật, khoảng cách giữa tỉ lệ đi học chung và đi học đúng độ tuổi rất cao: MN từ 10% - 50%; TH từ 16% - 36%; THCS từ 47% - 81% và THPT từ 29% - 49%. Đáng chú ý là, tỉ lệ đi học đúng độ tuổi của trẻ khuyết tật MN khá gần với trẻ không khuyết tật.

- Đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, các tỉnh thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các cơ chế, chính sách của Nhà nước và ban hành một số chính sách địa phương. Ví dụ, phòng GD&ĐT Ninh Kiều phối hợp với trung tâm bảo trợ xã hội thành phố Cần Thơ tổ chức 01 lớp hòa nhập với 12 trẻ em lang thang cơ nhỡ.

- Trẻ dân tộc thiểu số (DTTS) MN và TH được đến trường học gần như tương đương với dân tộc Kinh, nhưng ở hai cấp học còn lại thì khác biệt đáng kể. Cần Thơ có tỉ lệ này ở tất cả các cấp học đều thấp (từ 60,2% đến 89,4%), Hưng Yên đặc biệt thấp ở cấp THPT (24,8%).

b. Thành phần Cơ chế, thể chế quản lí GD địa phương được đo lường thông qua: 1/ Hệ thống quản lí GD cấp tỉnh; 2/ Cơ chế quản lí.

Cơ quan quản lí nhà nước về GD&ĐT cấp tỉnh gồm hai đơn vị chính là hội đồng nhân dân (HĐND), ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và Sở GD&ĐT. Phía UBND tỉnh không có bộ phận chuyên trách về GD, thường giao một số chuyên viên ở Sở Nội vụ theo dõi nhân sự, Sở Tài chính theo dõi tài chính GD, Khối văn xã theo dõi các vấn đề chung, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên - Môi trường theo dõi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang, thiết bị. Cơ cấu phòng ban của Sở GD&ĐT phân chia theo cấp học, tương tự như cơ cấu Bộ GD&ĐT, nhưng biên chế quá ít do chính sách giảm biên chế quốc gia.

Ngành GD chịu trách nhiệm trước xã hội về chuyên môn GD và đào tạo con người, UBND tỉnh chịu trách nhiệm về nhân sự và phân bổ tài chính của ngành GD. Vì vậy, sở GD&ĐT thường tham mưu cho UBND tỉnh về việc ban hành mục tiêu, chính sách và giải pháp thực hiện các mục tiêu phát triển GD; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ GD; thực hiện các nhiệm vụ chính trị theo chức năng để phát triển GD; phối hợp với các sở, ban, ngành phát triển GD theo kế hoạch của UBND tỉnh.

c. Thành phần Nguồn lực GD, được phân tích theo các nhóm chỉ số sau:

- 100% GV Thái Nguyên, Hưng Yên và Nghệ An

đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật GD 2005. Một tỉ lệ nhỏ GV MN ở Thành phố Hồ Chí Minh (0,3%) và Cần Thơ (0,2%) chưa đạt yêu cầu này. Gần 100% hiệu trưởng các cấp học ở Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ đạt mức tốt của chuẩn nghề nghiệp nhưng chỉ gần 30% hiệu trưởng MN và THCS ở Thái Nguyên đạt yêu cầu.

- Trong tổng ngân sách nhà nước được giao, tỉ lệ chi cho GD MN thường nhiều hơn, càng ở cấp học sau càng giảm dần. UBND tỉnh Hưng Yên quyết định tỉ lệ chi cho GD MN là cao nhất.

- Chương trình, tài liệu được địa phương chuẩn bị bao gồm: Biên soạn, thẩm định nội dung GD địa phương và tài liệu hướng dẫn thực hiện, lập kế hoạch giám sát việc thực hiện chương trình GD các cấp học.

- Hầu hết phòng học được xây dựng kiên cố, tỉ lệ phòng học kiên cố ở các cấp học cao hơn thì nhiều hơn: từ 56,7% ở MN lên 99,7% ở THPT. Tỉ lệ phòng học được xây dựng kiên cố ở Thành phố Hồ Chí Minh là cao nhất (từ 90,9% đến 100%). Hầu như 100% các cơ sở GD được phủ mạng internet và có máy vi tính phục vụ hoạt động GD. Một số trường MN không đủ số lượng máy vi tính tối thiểu (31% trường ở Hưng Yên và 22,4% trường ở Cần Thơ). Tỉ lệ trung tâm GDTX có đủ máy vi tính khá thấp (62% ở Thái Nguyên; 68% ở Hưng Yên; 7% ở Thành phố Hồ Chí Minh và 65% ở Cần Thơ).

d. Thành phần Quá trình GD tại 5 địa phương

- GV cả 5 tỉnh đều đạt mức tốt rong việc sử dụng phương pháp dạy học phát triển năng lực cho HS (Likelihood 0,65 trở lên¹), GV TH ở Thái Nguyên và Thành phố Hồ Chí Minh đạt mức rất tốt (0,89).

- Về cách thức đánh giá kết quả học tập đảm bảo công bằng, minh bạch, hầu hết GV cũng đạt mức tốt (từ 0,72 trở lên); GV TH Thành phố Hồ Chí Minh và GV MN, TH ở Cần Thơ đạt mức rất tốt (từ 0,9 đến 0,92).

- Phương pháp dạy học và phương thức đánh giá của GV MN thường tốt hơn so với các cấp học khác.

e. Thành phần Lợi thế phát triển GD địa phương, gồm ba nhóm chỉ số là: 1/ Tài nguyên và vị trí địa lí; 2/ Hạ tầng cơ sở; 3/ Tác động của kinh tế, văn hóa, xã hội đến GD. Ta thấy:

- Điều kiện khí hậu, quỹ đất dành cho trường học, hệ thống nước máy đến nhà trường và khoảng cách từ nhà HS đến trường đều ở mức thuận tiện cho HS. Trong đó, điều kiện ở Thành phố Hồ Chí Minh là thuận tiện hơn cả.

- Mạng internet được phủ đến tất cả các trường học và được sử dụng khá hiệu quả trong quản lí và dạy học (từ 0,63 đến 0,78). Đội ngũ cán bộ quản lí và GV ứng dụng

¹ Nếu câu trả lời phải lựa chọn 1 trong k mức độ đã sắp thứ tự (tăng dần hoặc giảm dần) thì độ đo Likelihood được tính bằng:
$$\frac{n_1 * 0 + n_2 * 1 + \dots + n_k * (k - 1)}{(k - 1) * N}$$
, trong đó n₁, n₂, ..., n_k lần lượt là tần số lựa chọn ở các mức 1, 2, ..., k; N là tổng số người tham gia trả lời. Ở đây: từ 0 ÷ 0.13: rất kém; từ 0.14 đến 0.38: kém; từ 0.39 đến 0.63: bình thường; từ 0.64 đến 0.88: tốt; từ 0.89 đến 1: rất tốt

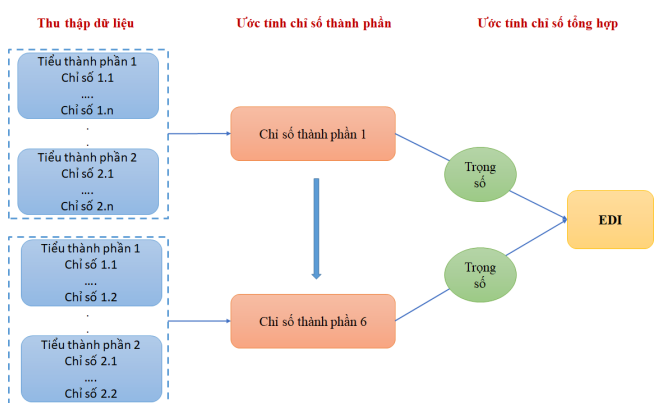
thường xuyên công nghệ thông tin và truyền thông vào công việc của mình (từ 0.76 đến 0.82). Ngoại trừ Thành phố Hồ Chí Minh, 4 tỉnh còn lại đều thiếu phòng bộ môn Tin học và thiếu máy vi tính phục vụ việc học của HS, đặc biệt thiếu là tỉnh Nghệ An và Cần Thơ (chỉ có 4,17% và 4,76% trường).

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thái Nguyên đạt 4,18%, Hưng Yên đạt 6,83%, Nghệ An đạt 4,45%, Thành phố Hồ Chí Minh đạt 1,39% và Cần Thơ 1,02% so với năm 2019, do đó có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển GD&ĐT. Ảnh hưởng của văn hóa đến GD mạnh hơn so với kinh tế, nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.3. Ước tính chỉ số phát triển giáo dục và đào tạo địa phương

Một địa phương được coi là chỉ đạo, quản lý sự phát triển GD&ĐT tốt khi có: 1/ Hoạch định chính sách, chiến lược vừa phù hợp điều kiện thực tiễn và góp phần thực hiện mục tiêu phát triển GD quốc gia; 2/ Cơ chế, thể chế quản lý GD tạo thuận lợi cho phát triển GD; 3/ Đảm bảo các nguồn lực về nhân sự, tài chính, chương trình, tài liệu và cơ sở vật, trang thiết bị dạy học; 4/ Hoạt động GD, phương pháp dạy học và phương thức đánh giá kết quả GD tạo cơ hội để phát huy tiềm năng cho người học; 5/ Điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương có tác động tích cực đến sự phát triển GD; 6/ Đạt kết quả GD, thành tựu GD cao. Khi đó, người dân sẽ hài lòng về chất lượng GD con em họ được thụ hưởng.

Chỉ số phát triển GD (Educational development Index - EDI) cấp tỉnh là chỉ số ước tính hiệu quả chỉ đạo và quản lý GD, nỗ lực đổi mới GD và mức độ thuận lợi của môi trường phát triển GD của tỉnh. Qua đó, nâng cao sự hài lòng của người dân về chất lượng GD. Quy trình ước tính chỉ số EDI như Hình 4.



Hình 4: Quy trình ước tính EDI

a. Chỉ số thành phần được ước tính trên cơ sở điểm số các tiểu thành phần và chỉ số, chỉ báo chuẩn hóa theo thang 10. Trong đó:

- Đối với các chỉ số thuận, tức là điểm chỉ số càng cao thì phản ánh chất lượng điều hành GD càng tốt, được chuẩn hóa theo công thức I (Với X là giá trị của tỉnh;

Min là điểm thấp nhất trong các tỉnh; Max là điểm cao nhất trong các tỉnh).

$$\text{Điểm của tỉnh} = 1 + 9 * \frac{X - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} \quad (I)$$

$$\text{Điểm của tỉnh} = 1 + 9 * \frac{X - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} \quad (I)$$

- Đối với các chỉ số nghịch, tức là điểm chỉ số càng thấp thì phản ánh chất lượng điều hành GD càng tốt, thực hiện chuẩn hóa theo công thức II:

$$\text{Điểm của tỉnh} = 11 - (9 * \frac{X - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} + 1) \quad (II)$$

$$\text{Điểm của tỉnh} = 11 - (9 * \frac{X - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} + 1) \quad (II)$$

- Bốn mức độ phát triển của mỗi thành phần ở thang từ 0-10, bước nhảy 2.5.

b. Chỉ số phát triển GD địa phương (EDI) được tính toán qua 6 thành phần có trọng số. Các trọng số thể hiện mức đóng góp và tầm quan trọng của từng thành phần đối với sự hài lòng của người dân về chất lượng GD nhà trường.

Nhóm nghiên cứu sử dụng phân tích hồi quy đa biến để xác định xem từng chỉ số thành phần tác động như thế nào đến biến “Sự hài lòng của người dân về chất lượng GD của nhà trường”. Những thành phần có tác động lớn nhất, trung bình và nhỏ nhất đến sự hài lòng của người dân được gán trọng số lần lượt là 25%, 15% và 5% (xem Bảng 2).

Bảng 2: Tác động của các thành phần đến sự hài lòng của người dân về chất lượng GD

	Tác động đến sự hài lòng của người dân về chất lượng GD	Mức trọng số
Hoạch định chính sách, quy mô GD	.46	Trung bình: 15%
Cơ chế, thể chế quản lý GD	.48	Trung bình: 15%
Nguồn lực GD	.78	Cao: 25%
Quá trình GD	.48	Trung bình: 15%
Kết quả thành tựu GD	.79	Cao: 25%
Lợi thế sẵn có của địa phương	.36	Thấp: 5%

Công thức tính EDI có trọng số là:

$$EDI = \frac{CSTP1 * 15 + CSTP2 * 15 + CSTP3 * 25 + CSTP4 * 15 + CSTP5 * 25 + CSTP6 * 5}{10}$$

2.3. Thảo luận

Một trong các xu thế chính trong đánh giá GD là tăng cường đo lường GD (OECD, 2013). Các quốc gia đang phát triển khung đánh giá toàn diện hơn, chú trọng phát triển cơ sở GD dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế. Bộ chỉ



Hình 5: Các chỉ số thành phần về sự phát triển GD của tỉnh

số được đề xuất trong nghiên cứu này đã bắt kịp một số các xu thế này. Cụ thể như sau:

1/ Quy trình xây dựng hệ thống dữ liệu cũng như quy trình đánh giá sự phát triển GD&ĐT địa phương được xây dựng trên tiếp cận chuẩn hóa, có nghĩa là các tiêu chí đánh giá đều dựa trên tiêu chuẩn quốc gia (Ví dụ: Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GD, yêu cầu cần đạt của chương trình...).

2/ Bộ chỉ số đã cung cấp dữ liệu cho một số chương trình đánh giá quốc tế, tạo điều kiện cho việc đối sánh quốc tế, bao gồm:

- Phát triển con người (HDI) ở chỉ số: Số năm đi học kì vọng cho trẻ dưới 18 tuổi.

- Phát triển bền vững gồm các chỉ số: Tỷ lệ trẻ (36 - 59 tháng) học ít nhất 1 năm GD MN; Tỷ lệ HS trai và gái hoàn thành GD TH và THCS; Tỷ lệ nam, nữ cuối TH và THCS đạt mức độ tối thiểu về đọc hiểu và toán; Bình đẳng trong tiếp cận GD (giới, DTTS, ...); Tỷ lệ tốt nghiệp THCS và THPT.

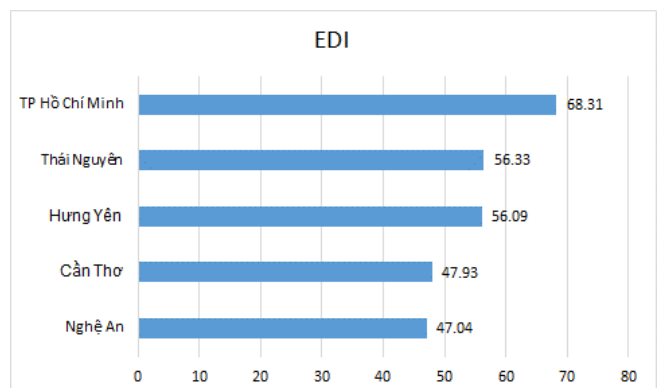
- GD cho mọi người gồm các chỉ số: Tỷ lệ đi học chung ở TH, cân bằng giới, tỉ lệ hoàn thành chương trình TH.

- Năng lực cạnh tranh toàn cầu có các chỉ số: Tỷ lệ đi học đúng tuổi ở TH, THCS, THPT; Chất lượng GD TH và THPT; Chất lượng GD Toán và Khoa học; Chất lượng quản lí trường; Hiệu quả sử dụng của việc truy cập Internet các cấp học MN, TH, THCS và THPT.

- Sự chuẩn bị sẵn sàng cho Cách mạng công nghiệp 4.0, gồm các chỉ số: Chất lượng GD Toán và Khoa học (tham chiếu kết quả khảo sát diện rộng năm học 2019 - 2020); Tỷ lệ HS/GV ở tiểu học; Số năm đi học kì vọng.

3/ Hiện đang có hai quan điểm sử dụng cơ sở GD để đánh giá sự phát triển GD&ĐT: Sử dụng chỉ số tổng hợp hay bảng tổng hợp thông tin (dashboard) để đưa ra thông tin về tình hình GD&ĐT? Chỉ số tổng hợp dễ dàng truyền tải trên phương tiện truyền thông và dễ hiểu đối với công chúng nhưng thách thức của nó trong việc phân bổ trọng số và tổng hợp biến (OECD, 2008).

Hình 5 thể hiện sự phát triển 6 thành phần của mỗi tỉnh dựa trên biểu đồ mạng nhện. Từ đó, có thể so sánh mức độ phát triển của các thành tố trong từng tỉnh. Chẳng hạn, thành phần phát triển nhất ở Thái Nguyên là hoạch định chính sách,



Hình 6: EDI cấp tỉnh

chiến lược và quy mô GD, ở Hưng Yên, Nghệ An và Cần Thơ là kết quả và thành tựu GD trong khi ở Thành phố Hồ Chí Minh là lợi thế sẵn có của địa phương.

Nghiên cứu này đề xuất cách thức tính chỉ số tổng hợp EDI từ 6 chỉ số thành phần có trọng số (theo mức đóng góp và tầm quan trọng của từng thành phần đối với sự hài lòng của người dân về chất lượng GD nhà trường). Từ đó, có thể thấy rõ mức phát triển GD giữa các tỉnh (xem Hình 6). Lưu ý rằng, tỉnh Nghệ An chỉ mang tính minh họa vì bị thiếu nhiều dữ liệu.

3. Kết luận

Bộ công cụ được đề xuất đã đảm bảo một số các tiêu chí đặt ra: dựa trên tiếp cận chuẩn hóa, tăng cường các chỉ số GD định tính, đa dạng hóa bộ công cụ bằng cách tích hợp các chỉ số GD toàn cầu nhằm đảm bảo vừa đánh giá sự phát triển GD địa phương, vừa hỗ trợ việc

so sánh GD quốc tế. Phương pháp tính chỉ số tổng hợp gắn trọng số được thực hiện dựa trên việc ước lượng mức độ tác động của các chỉ số thành phần đến mức độ hài lòng của người dân về chất lượng GD của địa phương. Hạn chế của nghiên cứu này là: một số địa phương không có sẵn dữ liệu cấp tỉnh đối với một số chỉ số GD được đề xuất. Điều này gây ảnh hưởng đến việc tính toán các chỉ số GD. Chẳng hạn, tỉ lệ phân luồng sau THCS, số lượng HS cuối cấp TH, THCS thành thạo kỹ năng đọc - viết và tính toán theo chuẩn quốc tế, ...

Lời cảm ơn: *Tác giả cảm ơn sự tài trợ của Chương trình khoa học GD Quốc gia qua đề tài với mã số KHGD/16-20.ĐT.013: “Xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển GDDT địa phương”, thuộc Chương trình khoa học GD Quốc gia 2016-2020, mã số KHGD/16-20.*

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (22/8/2018), Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ban hành quy chế kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (22/8/2018), Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT về việc Ban hành quy chế kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (22/8/2018), Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.
- [4] OECD, (2013), *Synergies for better learning: an international perspective on evaluation and assessment*, Paris: OCED Publishing.
- [5] OECD, (2008), *Handbook on Constructing Composite Indicators: Methodology and User Guide*, Paris (France), OECD publishing, JRC47008.
- [6] Nguyen Thi Lan Phuong, (April 2020), *Proposal on analytical framework and criteria, indicators for assessment of local general education quality in Vietnam*, Merit Research Journal of Education and Review, ISSN: 2350-2282, Vol. 8(4).
- [7] Nguyễn Hữu Cương - Nguyễn Thị Lan Phương - Lê Mỹ Phong, (3/2020), *Vận dụng khung Phân tích chất lượng giáo dục của UNESCO và bộ chỉ số đánh giá chất lượng của OECD để đề xuất bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục, Số 473, Kỳ 1.
- [8] Quyết định 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 về việc *Phê duyệt “Chiến lược phát triển Giáo dục 2011-2020”*.

TESTING INSTRUMENTS TO ASSESS THE DEVELOPMENT OF LOCAL EDUCATION AND TRAINING

Tran Thi Huong Giang¹, Duong Thi Thu Huong²,
Nguyen Thi Thu Huong*³

¹ Email: giangth@vnies.edu.vn

² Email: huongdt@vnies.edu.vn

* Corresponding author

³ Email: huongntt@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The instrument for assessing the development of local education and training is defined as a collection of tools that aid in the collection of data on the local education situation, including: an analytical framework; sets of criteria; educational indicators; methods for calculating the educational development index; and instruments for collecting practical data. The research provided a technique for calculating the local educational development index (EDI) by combining six component indices. The component's weight is determined by its effect on people's satisfaction with the quality of education. The pilot results from 2012 to 2020 show that Ho Chi Minh City has the highest EDI index (68.31), followed by Thai Nguyen (56.33) and Hung Yen (56.09). However, the reliability of the component indicators is only relative due to limitations in terms of data collection since some localities cannot provide the required data (such as Nghe An and Can Tho).*

KEYWORDS: Evaluation instrument, instrument pilot, educational development evaluation, local education and training.